

BÁO CÁO

Kết quả điều tra môi trường, bệnh tật và chất lượng nước tại xóm Mỹ Sơn, xã Thanh Yên, huyện Thanh Chương

Theo công văn số 267/TTYT - ATTP.YTCC.DD ngày 20/9/2023 của Trung tâm Y tế huyện Thanh Chương đề nghị xét nghiệm mẫu nước sinh hoạt tại cụm dân cư tại xóm Mỹ Sơn, xã Thanh Yên, huyện Thanh Chương phản ánh về nguồn nước sinh hoạt nghi bị ô nhiễm.

Ngày 4/10/2023 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An đã phối hợp với Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện Thanh Chương, UBND xã Thanh Yên, Trạm y tế xã Thanh Yên tiến hành điều tra môi trường, bệnh tật và lấy mẫu nước sinh hoạt tại các hộ dân xóm Mỹ Sơn, xã Thanh Yên, huyện Thanh Chương (đặc biệt là các hộ gia đình có người mắc bệnh ung thư) để xét nghiệm đánh giá chất lượng nước cụ thể như sau:

1. Thông tin chung

1.1 Xã Thanh Yên:

- Dân số: 6440 người; Số hộ: 1460 hộ; Số xóm: 05 xóm
- Cơ cấu ngành nghề: Nông nghiệp
- Điều kiện vệ sinh môi trường:
 - + Nguồn nước sinh hoạt: Giếng đào, giếng khoan
 - + Sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh: tổng số nhà tiêu hợp vệ sinh 1370/1460 hộ (93.8%), trong đó chủ yếu là nhà tiêu tự hoại.

1.2 Xóm Mỹ Sơn

- Dân số: 1079 người; Số hộ: 260 hộ
- Điều kiện vệ sinh môi trường
 - + Địa bàn xóm Mỹ Sơn, xã Thanh Yên không có làng nghề, không có kho thuốc bảo vệ thực vật. Đời sống người dân chủ yếu bằng nghề sản xuất nông nghiệp.

+ Trên địa bàn xóm Mỹ Sơn có nghĩa trang của xã và 1 số xã lân cận nằm trên núi Ó cách xóm 500 m (gồm hung táng và cát táng) bao quanh xóm.

+ Nguồn nước sinh hoạt của người dân xóm Mỹ Sơn chủ yếu là giếng đào, giếng khoan, nước dùng để ăn uống hầu hết được các HGD lọc qua máy lọc nước trước khi sử dụng, một số công trình cấp nước của HGD được bố trí gần với công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi.

+ Sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh: 248/260 hộ (95.4%) có nhà tiêu HVS, chủ yếu là nhà tiêu tự hoại.

2. Tình hình tử vong do ung thư từ năm 2018 đến nay của xã Thanh Yên

Năm	Tổng dân số	Tổng số tử vong toàn xã	Tỷ suất tử vong thô của xã (%)	Tổng số tử vong do ung thư toàn xã	Tỷ suất chết do ung thư so dân số xã (%)
2019	5610	26	4.6	8	1.4
2020	5620	36	6.4	5	0.89
2021	5570	43	7.7	3	0.53
2022	5495	23	4.1	7	1.2
2023	6440	23	3.57	3	0.46
Trung bình 5 năm	5.747	151	26.37	26	4.48

3. Tình hình tử vong do ung thư từ năm 2010 đến nay của Xóm Mỹ Sơn, xã Thanh Yên

Năm	Tổng dân số	Tổng số tử vong chung xóm	Tỷ suất tử vong thô của xóm (%)	Tổng số tử vong do ung thư	Tỷ suất tử vong do ung thư so với dân số xóm (%)
2019	1100	02	1.8	0	0
2020	1089	04	3.6	0	0
2021	1058	06	5.7	1	0.9
2022	1089	06	5.5	1	0.9
2023	1079	02	1.8	1	0.9
Trung bình 05 năm	1100	18	18.4	03	2.7

Nhận xét: Theo kết quả điều tra trong 5 năm

- Tỷ suất chết thô của xóm Mỹ Sơn thấp hơn tỷ suất chết thô của xã Thanh Yên
- Tỷ suất chết do ung thư tại xóm Mỹ Sơn thấp hơn tỷ suất chết do ung thư của xã Thanh Yên.

- Số lượng ca mắc và chết do ung thư tại xóm Mỹ Sơn: có tổng số 15 ca mắc ung thư, trong đó 4 ca ung thư trực tràng, 2 ca ung thư thực quản, 1 ca ung thư não và 3 ca ung thư phổi, 3 ca ung thư vú, 2 ca ung thư đại tràng. Số ca đã tử vong do ung thư là 3 ca. Hiện còn mắc 12 ca, hầu hết các ca mắc ung thư không có tính chất gia đình.

4. Lấy mẫu nước xét nghiệm

4.1. Tổng số mẫu lấy xét nghiệm:

Tổng số 08 mẫu nước gồm: 02 mẫu nước giếng khoan và 06 mẫu nước giếng đào tại xóm Mỹ Sơn được các gia đình sử dụng ăn uống và sinh hoạt, trong đó 06 mẫu nước lấy tại 06 hộ gia đình có người mắc ung thư, 02 mẫu nước 02 hộ gia đình không có người mắc ung thư.

4.2. Tiêu chuẩn đánh giá:

08 mẫu nước được tiến hành xét nghiệm 21 chỉ tiêu theo năng lực của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An theo QCDP 01:2021/NA. (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An)

4.3. Kết quả:

- Có 02/08 mẫu nước đạt theo quy chuẩn QCDP 01:2021/NA (phiếu kết quả kèm theo), cụ thể các mẫu đạt như sau:

+ Nguồn nước giếng khoan:

✓ Nhà ông Bùi Văn Bính (hộ gia đình có người mắc ung thư) có 21/21 chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2021/NA.

✓ Nhà bà Nguyễn Thị Mỹ (hộ gia đình có người mắc ung thư) có 21/21 chỉ tiêu đạt theo QCDP 01:2021/NA.

- Có 06/08 mẫu nước không đạt theo quy chuẩn QCDP 01:2021/NA (phiếu kết quả kèm theo), cụ thể các mẫu không đạt như sau:

+ Nguồn nước giếng đào:

✓ Nhà ông Bùi Quốc Khánh (hộ gia đình có người mắc ung thư) có 02 chỉ tiêu không đạt theo QCDP 01:2021/NA: Coliforms 210 CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <3 CFU/100 mL) và E.coli 190 CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <1 CFU/100 mL)

✓ Nhà ông Bùi Văn Yên (hộ gia đình có người mắc ung thư) có 02 chỉ tiêu không đạt theo QCDP 01:2021/NA: Coliforms 250 CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <3 CFU/100 mL) và E.coli 30 CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <1 CFU/100 mL)

✓ Nhà ông Bùi Văn Đô (hộ gia đình có người mắc ung thư) có 02 chỉ tiêu không đạt theo QCDP 01:2021/NA: Coliforms 280 CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <3 CFU/100 mL) và E.coli 210 CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <1 CFU/100 mL)

✓ Nhà bà Lương Thị Quy (hộ gia đình có người mắc ung thư) có 02 chỉ tiêu không đạt theo QCDP 01:2021/NA: Coliforms 210 CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <3 CFU/100 mL) và E.coli 90 CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <1 CFU/100 mL)

✓ Nhà ông Nguyễn Cảnh Dụ (hộ gia đình không có người mắc ung thư) có 02 chỉ tiêu không đạt theo QCDP 01:2021/NA: Coliforms 250 CFU/100 mL



(ngưỡng giới hạn cho phép <3 CFU/100 mL) và E.coli 110 CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <1 CFU/100 mL).

✓ Nhà ông Nguyễn Duy Hanh (hộ gia đình không có người mắc ung thư) có 02 chỉ tiêu không đạt theo QCDP 01:2021/NA: Coliforms 290 CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <3 CFU/100 mL) và E.coli 30CFU/100 mL (ngưỡng giới hạn cho phép <1 CFU/100 mL)

5. Kết luận, kiến nghị

5.1 Kết luận:

- Tình trạng các trường hợp mắc ung thư tại xóm Mỹ Sơn hầu hết không có tính chất gia đình và di truyền.

- 06/08 mẫu nước được các hộ gia đình tại xóm Mỹ Sơn sử dụng ăn uống và sinh hoạt không đạt theo QCDP: 2021/NA. Chỉ tiêu không đạt là Coliform và Ecoli, khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm các chỉ tiêu này nếu không ăn chín uống sôi sẽ gây các bệnh về đường tiêu hóa như tiêu chảy.

- Các thông số kim loại nặng và hợp chất hữu cơ có chứa Nitơ trong mẫu nước có nguy cơ gây bệnh ung thư trong mẫu xét nghiệm làm tại Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật đều nằm trong giới hạn cho phép đạt QCDP 01:2021/NA.

5.2. Kiến nghị

Để đảm bảo sức khỏe và dự luận về bệnh tật cho người dân Xóm Mỹ Sơn khi sử dụng các nguồn nước giếng đào, giếng khoan trong ăn uống và sinh hoạt, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có một số kiến nghị như sau:

- Đối với giếng đào, bể chứa nước hộ gia đình thường xuyên nạo vét lại giếng, thau rửa bể chứa nước, khử trùng, bố trí nắp đậy giếng nước, bể chứa nước, giữ gìn vệ sinh xung quanh giếng sạch sẽ.

- Tuyên truyền người dân thực hiện vệ sinh trong ăn uống, luôn ăn chín uống sôi.

- Hệ thống các giếng nước và bể chứa nước phải cách chuồng nuôi gia súc, nhà tiêu, bãi rác ít nhất 10 mét.

- Để tìm hiểu rõ hơn về tình trạng ung thư của người dân trên địa bàn thì cần có một cuộc điều tra chuyên ngành.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An xin báo cáo đề Sở Y tế, UBND huyện, TTYT Thanh Chương, UBND và TYT xã Thanh Yên được biết. / *Uon*

Nơi nhận :

- Sở Y tế; (Để báo cáo)
- UBND huyện Thanh Chương;
- TTYT Thanh Chương ;
- UBND xã Thanh Yên;
- TYT xã Thanh Yên;
- Ban Lãnh đạo TTKSBT tỉnh;
- Lưu: VT, Khoa SKMT-YTTH.





SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 735/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước giếng khoan **Mã số/Code:** 231012/15
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Bùi Văn Bình
Xóm Mỹ Sơn, Xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 7h30 ngày 04/10/2023
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Bs Hòa – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** 14h00 ngày 04/10/2023
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	Arsenic (As)	mg/L	TCVN 6626-2000	KPH(< 0,0006)
2	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	30
3	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	4,32
4	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
5	pH*		TCVN 6492:2011	7,39
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	1,355
7	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	1,6
8	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	22,69
9	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	40
10	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	0,21
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	0,126
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	KPH(< 0,003)
13	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	2,58
14	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	7,634

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* .Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6** .Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	KPH(< 0,00015)
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	86
17	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	KPH(< 0,003)
18	Coliforms*	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH
19	E. coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH
20	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100 mL	SMEWW 9213B	KPH
21	Trực khuẩn mủ xanh (Ps.Auruginosa)	CFU/ 100 mL	TCVN 8881:2011	KPH

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2023

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 737/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước giếng khoan Mã số/Code: 231012/17
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Thị Mỹ
Xóm Mỹ Sơn, Xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 7h30 ngày 04/10/2023
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hòa – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 14h00 ngày 04/10/2023
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	Arsenic (As)	mg/L	TCVN 6626-2000	KPH(< 0,0006)
2	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	96
3	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	18,6
4	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
5	pH*		TCVN 6492:2011	7,49
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,582
7	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	1,12
8	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	60,97
9	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	38
10	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	0,24
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	0,268
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	< 0,01
13	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	1,138
14	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	3,196

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	KPH(< 0,00015)
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	115
17	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	KPH(< 0,003)
18	Coliforms*	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH
19	E. coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH
20	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureus)	CFU/ 100 mL	SMEWW 9213B	KPH
21	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/ 100 mL	TCVN 8881:2011	KPH

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2023
TRƯỞNG KHOA **PHÓ GIÁM ĐỐC**
HEAD OF DEPARTMENT **VICE DIRECTOR**


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 736/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước giếng đào Mã số/Code: 231012/16
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Bù Quốc Khánh
Xóm Mỹ Sơn, Xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 7h30 ngày 04/10/2023
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hòa – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 14h00 ngày 04/10/2023
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	Arsenic (As)	mg/L	TCVN 6626-2000	KPH(< 0,0006)
2	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	135
3	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	18,6
4	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
5	pH*		TCVN 6492:2011	7,45
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,052
7	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	1,44
8	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	23,4
9	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	48
10	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	0,21
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	0,118
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,018
13	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,414
14	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	11,415

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ / **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	KPH(< 0,00015)
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	95
17	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	KPH(< 0,003)
18	Coliforms*	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	210
19	E. coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	190
20	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100 mL	SMEWW 9213B	KPH
21	Trực khuẩn mủ xanh (Ps.Auruginosa)	CFU/ 100 mL	TCVN 8881:2011	KPH

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2023

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 738/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước giếng đào Mã số/Code: 231012/18
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Bùi Văn Yên
Xóm Mỹ Sơn, Xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 7h30 ngày 04/10/2023
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hòa – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 14h00 ngày 04/10/2023
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	Arsenic (As)	mg/L	TCVN 6626-2000	KPH(< 0,0006)
2	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	7,0
3	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2,13
4	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
5	pH*		TCVN 6492:2011	7,41
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,058
7	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	1,6
8	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	25,52
9	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	40
10	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	0,2
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	4,132
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	KPH(< 0,003)
13	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	KPH(< 0,017)
14	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	9,155

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	KPH(< 0,00015)
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	90,5
17	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	KPH(< 0,003)
18	Coliforms*	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	250
19	E. coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	30
20	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100 mL	SMEWW 9213B	KPH
21	Trực khuẩn mủ xanh (Ps.Auruginosa)	CFU/ 100 mL	TCVN 8881:2011	KPH

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2023

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA **PHÓ GIÁM ĐỐC**
HEAD OF DEPARTMENT **VICE DIRECTOR**

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 730/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước giếng đào Mã số/Code: 231012/20
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Bùi Văn Đô
Xóm Mỹ Sơn, Xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 7h30 ngày 04/10/2023
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hòa – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 14h00 ngày 04/10/2023
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	Arsenic (As)	mg/L	TCVN 6626-2000	KPH(< 0,0006)
2	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	33
3	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	5,11
4	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
5	pH*		TCVN 6492:2011	7,47
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	KPH(< 0,006)
7	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	0,64
8	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	35,45
9	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	126
10	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	0,25
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	7,73
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	< 0,01
13	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,136
14	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	13,501

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	KPH(< 0,00015)
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	193,5
17	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	KPH(< 0,003)
18	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	280
19	E. coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	210
20	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	KPH
21	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	KPH

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2023

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA **PHÓ GIÁM ĐỐC**
HEAD OF DEPARTMENT **VICE DIRECTOR**


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 731/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước giếng đào Mã số/Code: 231012/21
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Lương Thị Quy
Xóm Mỹ Sơn, Xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 7h30 ngày 04/10/2023
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hòa – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 14h00 ngày 04/10/2023
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	Arsenic (As)	mg/L	TCVN 6626-2000	KPH(< 0,0006)
2	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	21
3	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	1,25
4	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
5	pH*		TCVN 6492:2011	7,48
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	KPH(< 0,006)
7	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	0,96
8	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	45,38
9	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	162
10	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	0,27
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	0,944
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,02
13	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	KPH(< 0,017)
14	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	6,372
15	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	KPH(< 0,00015)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	225,6
17	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	KPH(< 0,003)
18	Coliforms*	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	210
19	E. coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	90
20	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureus)	CFU/ 100 mL	SMEWW 9213B	KPH
21	Trực khuẩn mủ xanh (Ps.Auruginosa)	CFU/ 100 mL	TCVN 8881:2011	KPH

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2023

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA PHÓ GIÁM ĐỐC
HEAD OF DEPARTMENT VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
- Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 732/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước giếng đào Mã số/Code: 231012/22
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Cảnh Dụ
Xóm Mỹ Sơn, Xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 7h30 ngày 04/10/2023
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hòa – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 14h00 ngày 04/10/2023
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	Arsenic (As)	mg/L	TCVN 6626-2000	KPH(< 0,0006)
2	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	11
3	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	1,34
4	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
5	pH*		TCVN 6492:2011	7,42
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	KPH(< 0,006)
7	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	0,64
8	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	41,83
9	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	118
10	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	0,24
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	1,01
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	KPH(< 0,003)
13	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	KPH(< 0,017)
14	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	9,023

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	KPH(< 0,00015)
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	180,5
17	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	KPH(< 0,003)
18	Coliforms*	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	250
19	E. coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	110
20	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100 mL	SMEWW 9213B	KPH
21	Trực khuẩn mủ xanh (Ps.Aeruginosa)	CFU/ 100 mL	TCVN 8881:2011	KPH

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2023

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 739/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước giếng đào Mã số/Code: 231012/19
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Duy Hanh
Xóm Mỹ Sơn, Xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 7h30 ngày 04/10/2023
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hòa – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 14h00 ngày 04/10/2023
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result
1	Arsenic (As)	mg/L	TCVN 6626-2000	KPH(< 0,0006)
2	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	256
3	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	32,1
4	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
5	pH*		TCVN 6492:2011	7,51
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	< 0,02
7	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	1,12
8	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	17,02
9	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	26
10	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	0,2
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2,714
12	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	KPH(< 0,003)
13	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,338
14	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	14,001

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	KPH(< 0,00015)
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	71
17	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	KPH(< 0,003)
18	Coliforms *	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	290
19	E. coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	30
20	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	KPH
21	Trực khuẩn mủ xanh (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	KPH

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2023

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT


Cao Thúy Trinh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors